|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GD&ĐT ………**  **TRƯỜNG THPT** | **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ II NĂM HỌC 2023 – 2024 MÔN NGỮ VĂN 11** |

**A. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập**

**1. Văn bản:**

- Vận dụng những hiểu biết về Nguyễn Du để đọc hiểu một số tác phẩm của đạo thi hào.

- Nhận biết và phân tích một số yếu tố của truyện thơ Nôm:cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, độc thoại nội tâm, bút pháp miêu tả, ngôn ngữ.

- Nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tùy bút, tản văn; giữa hư cấu và phi hư cấu trong truyện kí.

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để nhận xét, đánh giá văn bản văn học.

- Nhận biết được bố cục, mạch lạc của văn bản, cách trình bày dữ liệu, thông tin của người viết và đánh giá hiệu quả đạt được; biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.

- Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản, cách đặt nhan đề của tác giả; nhận biết được thái độ, quan điểm của người viết; thể hiện được thái độ, đánh giá đối với nội dung của văn bản hay quan điểm của ngươi viết và giải thích lí do.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ của trong một văn bản cho nhiều chủ đề.

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản nghị luận; đánh giá được các lí lẽ, bằng chứng mà người viết sử dụng để bảo vệ quan điểm trong bài viết; thể hiện được quan điểm đồng ý hay không đồng ý với nội dung chính của văn bản và giải thích lí do.

**a. Truyện thơ Nôm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Kiến thức** | |
| **1. Khái niệm** | **Truyện thơ Nôm** là loại hình tác phẩm tự sự độc đáo của văn học trung đại Việt Nam, kết hợp phương thức tự sự và trữ tình, được viết bằng chữ Nôm, chủ yếu sử dụng thể thơ lục bát hoặc song thất lục bát. | |
| **2. Phân loại (theo tiêu chí đặc điểm nội dung và nghệ thuật** | **Truyện thơ Nôm bình dân**  - Phần lớn khuyết danh, tác giả là các Nho sĩ, trí thức bình dân;  - Cốt truyện thường được lấy từ văn học dân gian hoặc từ đời sống thực tế.  - Hình thức nghệ thuật còn thô mộc, nhưng lại có sức cuốn hút bằng vẻ đẹp bình dị, hồn nhiên. | **Truyện thơ Nôm bác học**  - Hầu hết có tên tác giả, là những Nho sĩ thuộc tầng lớp phong kiến quý tộc, có học vấn uyên bác; cốt truyện thường lấy từ văn học Trung Quốc hoặc mang tính tự thuật; hình thức nghệ thuật được trau chuốt, điêu luyện.  - Một số tác phẩm sử dụng chưa nhuần nhuyễn chất liệu vay mượn từ văn học Trung Quốc, có lúc rơi vào tình trạng cầu kì, khó hiểu. |
| **3. Đề tài, chủ đề** | **Đề tài, chủ đề** của truyện thơ Nôm rất rộng mở, từ tôn giáo, lịch sử, xã hội đến cuộc sống đời thường; đặt ra nhiều vấn đề bức thiết của thời đại. Trong đó, nổi bật là cảm hứng khẳng định tình yêu tự do và cuộc đấu tranh bảo vệ hạnh phúc gia đình; tôn vinh vẻ đẹp của người phụ nữ, tố cáo, phê phán xã hội đương thời; thể hiện khát vọng công lí, công bằng. | |
| **4. Cốt truyện** | Các câu chuyện thường được kể theo trình tự thời gian với nhiều yếu tố ngẫu nhiên, kì ảo và thường được tổ chức theo **mô hình: Gặp gỡ – Chia li – Đoàn tụ**. Song mức độ đậm nhạt và nội dung của từng phần có sự thay đổi tùy theo chủ đề tác phẩm. | |
| **5. Nhân vật** | **- Nhân vật** của truyện thơ Nôm khá phong phú, đa dạng về thành phần.  - Các nhân vật vẫn mang tính loại hình, được dựng lên nhằm khái quát các đặc điểm cố định của một số tầng lớp loại người trong xã hội hoặc một loại phẩm chất nào đó.  - Nhân vật được khắc họa ở cả hai phương diện: con người bên ngoài (ngoại hình, lời nói cử chỉ, hành động,..) và con người bên trong (cảm xúc, suy nghĩ, diễn biến tâm lí,...).  - Bút pháp tả cảnh ngụ tình, ngôn ngữ đối thoại, độc thoại và phần nào ngôn ngữ nửa trực tiếp đã được sử dụng thành công trong việc khám phá thế giới nội tâm và khắc hoạ tính cách nhân vật. | |
| **6. Đóng góp** | - Truyện thơ Nôm cũng là thể loại có đóng góp to lớn vào việc phát triển ngôn ngữ văn học dân tộc.  - Các tác giả đã nêu cao tinh thần tự hào dân tộc, phủ định quan niệm coi thường tiếng mẹ đẻ. Nhiều tác giả truyện thơ Nôm. đã sử dụng một cách điêu luyện thể thơ lục bát, kết hợp nhuần nhuyễn tinh hoa của ngôn ngữ bác học và ngôn ngữ bình dân. | |

**b. Kí**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Kiến thức** |
| **Khái niệm** | **- Kí**là tên gọi một nhóm các thể/ tiểu loại tác phẩm văn xuôi phi hư cấu có khả năng dung hợp các phương thức tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thông tin,... nhằm tái hiện những trạng thái đời sống đang được xã hội quan tâm và bộc lộ trực tiếp những cảm nghĩ của tác giả.  - Tuỳ vào mục đích viết, sự bộc lộ cái tôi tác giả và cách thức tổ chức các phương tiện biểu đạt mà tác phẩm kí được gọi là tuỳ bút, tản văn, phóng sự hay là kí sự, truyện kí, hồi kí, nhật kí, du kí,... |

**c. Tự sự, trữ tình trong tùy bút, tản văn**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Tùy bút** | **Tản văn** |
| **1. Khái niệm** | **Tuỳ bút** là tiểu loại kí có tính tự do cao, có bố cục linh hoạt, thường nghiêng hẳn về tính trữ tình với điểm tựa là cái tôi của tác giả. Người viết sẽ tuỳ cảnh, tuỳ việc, tuỳ theo cảm hứng mà trình bày, nhận xét, đánh giá, suy tưởng,... Nếu có miêu tả, kể chuyện thì đó cũng chỉ là cái cớ để giải bày cảm xúc, suy tư trữ tình. | **Tản văn** là một tiểu loại kí thường sử dụng đồng thời cả yếu tố tự sự và trữ tình, có thể còn kết hợp nghị luận, miêu tả, nhằm thể hiện những rung cảm thẩm mĩ và quan sát tinh tế của tác giả về các đối tượng đa dạng trong đời sống. Cái tôi của tác giả luôn hiện diện rõ nét, nhưng việc triển khai những liên hệ, suy tưởng phần nào được tiết chế so với tuỳ bút. |
| **2. Tự sự và trữ tình trong tùy bút, tản văn** | Yếu tố **tự sự** và yếu tố **trữ tình** luôn có sự kết hợp linh hoạt, tuỳ vào ý tưởng trung tâm được triển khai, đối tượng của sự quan sát, chiêm nghiệm và đặc điểm phong cách nghệ thuật của người viết. | |

**B. Phần 2: Đề thi minh họa học kì 2**

**Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)**

Đọc ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu sau:

Ghi lại chữ cái đầu câu trả lời đúng nhất cho các câu hỏi từ 1 - 8

*“ Bạn biết chăng, thế gian này có điều kì diệu, đó là không ai có thể là bản sao 100% của ai cả. Bởi thế, bạn là độc nhất, tôi cũng là độc nhất. Chúng ta là những con người độc nhất vô nhị, dù ta đẹp hay xấu, tài năng hay vô dụng, cao hay thấp, mập hay ốm, có năng khiếu ca nhạc hay chỉ biết gào như vịt đực.*

*Vấn đề không phải là vịt hay thiên nga. Vịt có giá trị của vịt, cũng như thiên nga có giá trị của thiên nga. Vấn đề không phải là hơn hay kém, mà là sự riêng biệt. Và bạn phải biết trân trọng chính bản thân mình. Người khác có thể đóng góp cho xã hội bằng tài kinh doanh hay năng khiếu nghệ thuật, thì bạn cũng có thể đóng góp cho xã hội bằng lòng nhiệt thành và sự lương thiện.*

*Bạn có thể không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân từng ngày một. Bạn có thể không hát hay nhưng bạn không bao giờ là người trễ hẹn. Bạn không là người giỏi thể thao nhưng bạn có nụ cười ấm áp. Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi thắt cà vạt cho ba và nấu ăn rất ngon. Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn. Và chính bạn hơn ai hết phải biết mình, phải nhận ra những giá trị đó”.*

*(Bản thân chúng ta là những giá trị có sẵn -* Phạm Lữ Ân)

**Câu 1.**Văn bản trên thuộc thể loại nào?

A. Văn bản thông tin  
B. Văn bản nghị luận  
C. Tản văn  
D. Truyện ngắn

**Câu 2.**Luận đề trong văn bản trên là gì?

A. Mỗi người sinh ra có một giá trị riêng biệt  
B. Trong cuộc sống có người tài giỏi và có người yếu kém  
C. Giá trị của vịt và thiên nga  
D. Mỗi người phải chuyên cần cố gắng từng ngày

**Câu 3.**Đoạn văn thứ 3 được triển khai theo cách nào?

A. Diễn dịch  
B. Quy nạp  
C. Song song  
D. Phối hợp

**Câu 4.**Nghĩa của thành ngữ “ độc nhất vô nhị” là:

A. tâm địa độc ác là duy nhất  
B. sự khác biệt là độc nhất  
C. sự riêng biệt độc đáo là duy nhất  
D. duy nhất, độc đáo, chỉ có một không có hai

**Câu 5.**Trong các nhóm từ sau, đâu là nhóm từ Hán Việt?

A. tài năng, vô dụng, thông minh, vượt qua  
B. tài năng, chuyên cần, vô dụng, bẩm sinh  
C. tài năng, vô dụng, thông minh, ấm áp  
D. tài năng, vô dụng, thông minh, cà vạt

**Câu 6.**Điều kì diệu mà tác giả nói tới trong văn bản trên là gì?

A. Không ai có thể là bản sao 100% của ai cả  
B. Vịt có giá trị của vịt, cũng như thiên nga có giá trị của thiên nga  
C. Bạn có thể không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân từng ngày một  
D. Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi thắt cà vạt cho ba và nấu ăn rất ngon

**Câu 7.**Phần in đậm trong văn bản trên sử dụng biện pháp tu từ gì?

A. Ẩn dụ  
B. Đảo ngữ  
C. Điệp ngữ  
D. So sánh

**Câu 8.**Câu văn “*Bạn có thể không hát hay nhưng bạn không bao giờ là người trễ hẹn.*” có vai trò gì trong đoạn văn?

A. Lí lẽ  
B. Dẫn chứng  
C. Vừa là lí lẽ vừa là dẫn chứng  
D. Luận điểm

**Trả lời các câu hỏi sau:**

**Câu 7.** Nêu thông điệp mà tác giả muốn gửi đến chúng ta qua văn bản ?

**Câu 8.** Vấn đề mà văn bản đề cập đến có ý nghĩa như thế nào với em?

**Phần II. Viết (4,0 điểm)**

Viết văn bản nghị luận về tác phẩm *Lời tiễn dặn.*

**ĐÁP ÁN ĐỀ THI**

**Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| **Câu 1** | B. Văn bản nghị luận | 0,5 điểm |
| **Câu 2** | A. Mỗi người sinh ra có một giá trị riêng biệt | 0,5 điểm |
| **Câu 3** | B. Quy nạp | 0,5 điểm |
| **Câu 4** | D. duy nhất, độc đáo, chỉ có một không có hai | 0,5 điểm |
| **Câu 5** | B. tài năng, chuyên cần, vô dụng, bẩm sinh | 0,5 điểm |
| **Câu 6** | A. Không ai có thể là bản sao 100% của ai cả | 0,5 điểm |
| **Câu 7** | C. Điệp ngữ | 0,5 điểm |
| **Câu 8** | B. Dẫn chứng | 0,5 điểm |
| **Câu 9** | - Nêu đúng thông điệp mà văn bản muốn gửi:  Mỗi con người đều có những giá trị tốt đẹp riêng, hãy biết trân trọng giá trị đó | 1,0 điểm |
| **Câu 10** | - HS nêu được:  Em nhận ra giá trị có sẵn tốt đẹp của em là gì?  Em đã thể hiện giá trị đó như thế nào?  Em cầm làm gì để hoàn thiện bản thân mình hơn? | 1,0 điểm |

**Phần II. Viết (4,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
|  | **a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận**  Mở bài giới thiệu được vấn đề cần nghị luận  Thân bài triển khai được chi tiết về vấn đề nghị luận có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.  Kết bài nêu khái quát lại vấn đề | 0,25 điểm |
|  | **b. Xác định đúng yêu cầu của đề:**Viết văn bản nghị luận về tác phẩm *Lời tiễn dặn.* | 0,25 điểm |
|  | **c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau:**  **1. Mở bài**  Dẫn dắt và giới thiệu về truyện thơ “Tiễn dặn người yêu” và đoạn trích “Lời tiễn dặn”.  **2. Thân bài.**  a. Tóm tắt truyện thơ và khái quát về đoạn trích  - Tiễn dặn người yêu” truyện thơ dân tộc Thái, kể về chàng trai và cô gái yêu nhau nhưng không đến được với nhau. Chàng trai quyết ra đi làm giàu, hy vọng có thể lấy được người yêu nhưng cuối cùng, cô gái vẫn bị ép gả cho nhà giàu. Trải qua rất nhiều biến cố, họ mới có thể ở bên nhau.  - Đoạn trích “Lời tiễn dặn” phần cảm động nhất của truyện thơ, nói về cuộc chia tay giữa hai người và lời của chàng trai khi phải chứng kiến cô gái bị nhà chồng ngược đãi.  b. Phân tích đoạn trích  + *Phần 1: Tâm trạng, tình cảm của chàng trai và cô gái khi chia tay*  - Tâm trạng rối bời, vừa lưu luyến, thủy chung, không nỡ rời xa lại vừa cay đắng, buồn bã của chàng trai:  + Lời nói đầy cảm động.  + Suy nghĩ, cảm xúc mãnh liệt.  + Lời thề tình yêu son sắt.  + Đi cùng người yêu nhưng lại nghĩ “đành lòng quay lại”, “chịu quay đi”.  ⇒ Đây là cảm xúc của người có tình yêu tha thiết nhưng lại đau khổ vì hoàn cảnh thực tại.  - Tâm trạng dằn vặt, đớn đau vô cùng của cô gái:  + Cất bước theo chồng nhưng “Vừa đi vừa ngoảnh lại”.  + Níu kéo chàng trai ở lại thêm nữa.  + Con đường đi tới nhà chồng trở nên xa ngái, buồn thương, đầy sóng gió.  ⇒ Đây là tâm trạng bế tắc, lo lắng, sợ hãi trong tâm can người con gái khi phải bước chân vào cuộc hôn nhân không tự nguyện.  + *Phần 2: Hoàn cảnh, tình cảm của chàng trai và cô gái khi gặp lại nhau*  - Khi đến thăm cô gái tại nhà chồng, chàng trai bị đặt vào hoàn cảnh trớ trêu, đau khổ: yêu nhau mà không đến được với nhau, nay lại nhìn cô bị nhà chồng hành hạ.  - Thái độ, hành động của chàng trai:  + Chăm sóc, an ủi người yêu một cách tận tình và cảm thông, thương xót cho cô.  + Thể hiện rõ thái độ phản kháng, mong muốn thoát khỏi tập tục gò bó để đến bên nhau.  + Một lần nữa khẳng định sự vĩnh cửu của tình yêu chân chính, dù chết không thay đổi.  c. Tổng kết  - Giá trị nội dung:  + Ca ngợi khát vọng tự do, hạnh phúc của con người.  + Phản đối tập tục phong kiến cổ hủ.  - Giá trị nghệ thuật:  + Điệp từ, điệp ngữ.  + Giọng điệu tha thiết.  + Lối nói giàu hình ảnh.  + Sử dụng nhiều từ láy.  **3. Kết bài**  - Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm:  - Cảm nhận chung của em về giá trị tác phẩm. | 3,5 điểm |
|  | **d. Chính tả, ngữ pháp:**Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,5 điểm |
|  | **e. Sáng tạo:** Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. | 0,5 điểm |
|  | **Lưu ý:** Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng. |  |